

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2018
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phương Lan;
2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về ‘tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn’, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D; (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K. (có mặt)

Các đương sự cùng cư trú tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người phiên dịch: Ông Phạm Văn X, Phòng Văn hóa thông tin huyện Ba

Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị D, trình bày:

Chị với anh Phạm Văn K, trước đây là vợ chồng nhưng đã thuận tình ly hôn vào ngày 03/5/2017, tài sản chung của anh chị chưa chia, hiện nay gồm có: 01 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 374,20m², địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 421253 ngày 30/10/2014, trong đó: đất ở là 300m², còn lại đất trồng cây hàng năm 74,20m²; Trên thửa đất nêu trên có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 91,20m², các công trình phụ như chuồng heo, giếng nước, mái hiên và các cây ăn trái như cây mít, cây khế, cây nhãn, cây mận, cây chuối, thanh long... Vào ngày 25/01/2018, Hội định giá tài sản đã định giá tổng số tiền là 238.506.919 đồng. Hiện nay, anh K là y sỹ thường xuyên ăn ở, sinh hoạt ở Trạm Y tế xã thỉnh thoảng mới về nhà, khi về nhà thì gây sự với chị, làm ảnh hưởng đến việc học của các con, trong khi anh chị đã ly hôn. Do đó, hôm nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ giải quyết chia tài sản chung của chị với anh K, chị yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản nêu trên và chị có nghĩa vụ thối lại ½ số tiền trong tổng số tiền 238.506.919 đồng cho anh K, để chị và hai con cùng ở trong ngôi nhà gắn liền với thửa đất đó.

Tại nội dung bản ghi ý kiến của bị đơn ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại buổi hòa giải ngày 25 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn K, trình bày:

Bị đơn không đồng ý yêu cầu chia tài sản vì hai trường hợp: nếu tài sản giao cho chị Phạm Thị D thì bị đơn không có chỗ ở, còn tài sản giao cho bị đơn thì bị đơn không có tiền thối lại cho nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt BLTTDS) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) vào phòng nghị án.

+ Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX xem xét:

Áp dụng: khoản 2 Điều 21, Khoản 1, Điều 28, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 (Viết tắt BLDS); khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị Phạm Thị D quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4 có diện tích 91,20m² và toàn bộ công trình phụ như chuồng heo, giếng nước, mái hiên, các loại cây ăn trái, cây lấy gỗ gắn liền trên thửa đất có diện tích 374,20m² tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 48, địa chỉ: tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 421253 ngày 30/10/2014 ghi tên anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị D. Chị Phạm Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho cho ông Phạm Văn K ½ số tiền 238.506.919 đồng.

+ Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 BLTTDS, khoản 2 điều 26, điểm b Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 157 BLTTDS để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; tranh chấp về hôn nhân gia đình nên theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ. Đơn khởi kiện của chị D phù hợp với quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về nguồn gốc khối tài sản là ngôi nhà và các công trình phụ, cây ăn trái, cây lấy gỗ gắn liền trên thửa đất có diện tích 374,20m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 421253, số vào sổ cấp GCN: CH 04476 ngày 30/10/2014 là của chị Phạm Thị D và anh Phạm Văn K cùng nhau xây dựng, tạo lập hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Đến ngày 03/5/2017 thì chị D và anh K thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2017/QĐST-HNGĐ. Trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, hai bên có thỏa thuận chị Phạm Thị D có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung là: Phạm Minh T1, sinh ngày 30/11/2000 và Phạm Minh T2, sinh ngày 14/01/2011; anh Phạm Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T1 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị Phạm Thị D cùng hai con đang sinh hoạt trong ngôi nhà là tài sản chung của chị D và anh K.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự: Trong buổi hòa giải ngày 25/01/2018 và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn K, đề nghị toàn bộ tài sản để lại cho hai con Phạm Minh T1 và Phạm Minh T2, nhưng chị Phạm Thị D không nhất trí, vì theo nguyên đơn nếu không chia tài sản rõ ràng, dứt khoát thì anh K thường xuyên về quậy phá, gây rối với mẹ con nguyên đơn. Qua lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn không yêu cầu nhận tài sản và cũng không yêu cầu chia tài sản chung với chị Phạm Thị D, còn nguyên đơn thì yêu cầu được nhận ngôi nhà gắn liền với thửa đất diện tích 374,20m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện B để cùng hai con ăn ở, sinh hoạt. Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2017 thì thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59 hiện nay đã được xây nhà, lợp mái hiên chiếm gần hết thửa đất. Qua phân tích

nêu trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cần giao ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59, diện tích 374,20m² cho nguyên đơn Phạm Thị D quản lý, sử dụng, nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị đơn Phạm Văn K phần chênh lệch tương ứng $\frac{1}{2}$ số tiền trong tổng giá trị tài sản của hai người.

Trong biên bản định giá tài sản ngày 25/01/2018 thì tổng giá trị tài sản của Phạm Thị D và Phạm Văn K là 238.506.919 đồng; Do đó, Phạm Thị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Phạm Văn K phần chênh lệch tương ứng với số tiền: 119.253.460 đồng là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 157; điểm c, khoản 3, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì Phạm Thị D và Phạm Văn K mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, tuy nhiên tại phiên tòa Phạm Thị D tự nguyện chịu số tiền 1.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và số tiền 1.200.000 đồng chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có tài sản nên không được xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự thì Phạm Thị D và anh Phạm Văn K, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 5.963.000 đồng, nguyên đơn Phạm Thị D được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 06389 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, về nội dung cơ bản phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 208, 209, 213, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D.

2. Giao cho chị Phạm Thị D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích 374,20m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 421253, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04476 ngày 30/10/2014 ghi tên anh Phạm Văn K, chị Phạm Thị D (trong 374,2m² có 300m² đất ở tại nông thôn, 74,2m² đất trồng cây hàng năm khác) và tài sản gắn liền với đất bao gồm: Ngôi nhà cấp 4 có diện tích 91,20m², toàn bộ công trình phụ như chuồng heo, giếng nước, mái hiên, các loại cây ăn trái, cây lấy gỗ. Giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 52; phía tây giáp thửa đất số 53; phía nam giáp thửa đất số 61; phía bắc giáp Tỉnh lộ 625. (có trích lục bản đồ địa chính kèm theo)

3. Chị Phạm Thị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Phạm Văn K số tiền 119.253.460 đồng (Một trăm mười chín triệu hai trăm năm ba ngàn bốn trăm sáu mươi đồng).

Chị Phạm Thị D có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê, khai đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị D và anh Phạm Văn K, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 5.963.000 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng); Riêng nguyên đơn Phạm Thị D được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 06389 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Nguyên đơn Phạm Thị D tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm ngàn đồng), nguyên đơn đã nộp và đã chi phí xong.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi được thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy